TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 155/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2017
"V/v ly hôn, con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Minh.

2. Ông Duyên Văn Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2017 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 259/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1983 (có mặt).*

Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn: Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1981 (có mặt).*

Nơi ĐKNHTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn T và bà Phan Thị T thành hôn với nhau vào năm 2004, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong khoản thời gian chung sống ông T và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà T nghi ngờ ông T không chung thủy dẫn đến cự cải, bà T về sống bên nhà cha mẹ ruột. Ông T và bà T sống ly thân tháng 3 năm 2016 đến nay. Hôn nhân giữa ông T và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung tên Đoàn Hồng X, sinh ngày 12/11/2005; Đoàn Hồng S, sinh ngày 30/11/2009. Cháu X đang sống với bà T, cháu S đang sống với ông T. Ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T thống nhất lời trình bày của ông T về hôn nhân, con chung là đúng. Bà T đồng ý ly hôn với ông T, con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đoàn Hồng X, sinh ngày 12/11/2005; Đoàn Hồng S, sinh ngày 30/11/2009, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, nên Toà án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Ông Đoàn Văn T và bà Phan Thị T thành hôn với nhau năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa Ông Đoàn Văn T và bà Phan Thị T là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung là Đoàn Hồng X, sinh ngày 12/11/2005; Đoàn Hồng S, sinh ngày 30/11/2009. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tại phiên tòa ông T đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung giữa ông T với bà T là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu X, cháu S là sống với bà T (thể hiện tại biên bản làm việc ngày 28/6/2017). Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Đoàn Hồng X, sinh ngày 12/11/2005; Đoàn Hồng S, sinh ngày 30/11/2009 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đoàn Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Đoàn Văn T và bà Phan Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Hồng X, sinh ngày 12/11/2005; Đoàn Hồng S, sinh ngày 30/11/2009 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006986 ngày 25/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi h ành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Minh Luân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu hồ sơ vụ án.